

Số: /BC-ĐGS

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2020 - 2022

Thực hiện Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 của HĐND tỉnh Bắc Giang thành lập Đoàn giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2020 - 2022, Đoàn giám sát đã xây dựng Kế hoạch số 05/KH-ĐGS ngày 05/01/2022 và thực hiện giám sát trực tiếp tại UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND 04 huyện¹, 06 cơ sở giáo dục nghề nghiệp² và 02 doanh nghiệp³. Giám sát qua báo cáo đối với UBND 06 huyện, thành phố⁴ và Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang. Đoàn giám sát báo cáo kết quả như sau:

I. ƯU ĐIỂM

1. Về công tác chuẩn bị, phục vụ giám sát

UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thành phố, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các doanh nghiệp chịu sự giám sát đã xây dựng báo cáo bám sát đề cương, đảm bảo chất lượng và gửi đúng thời gian quy định. Việc cung cấp hồ sơ, tài liệu đầy đủ, kịp thời; thành phần tham dự các buổi họp giám sát đầy đủ; các phòng, bộ phận chuyên môn, cán bộ phụ trách của các sở, cơ quan, đơn vị nghiêm túc, trách nhiệm trong việc tiếp thu, giải trình, làm rõ các vấn đề Đoàn giám sát quan tâm; công tác phục vụ, bố trí các điều kiện làm việc đảm bảo cho Đoàn giám sát thực hiện nhiệm vụ.

2. Về kết quả chấp hành các quy định của pháp luật về đào tạo nghề và giải quyết việc làm

2.1. Trong công tác chỉ đạo, điều hành

Giai đoạn 2020 - 2022, UBND tỉnh đã chủ động tham mưu và triển khai ban hành văn bản thực hiện các quy định của pháp luật về đào tạo nghề và giải quyết việc làm, phát triển nguồn nhân lực. Qua đó, nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương trong công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ đào tạo

¹ Các huyện: Việt Yên, Tân Yên, Lạng Giang, Yên Dũng.

² Trường Trung cấp nghề miền núi Yên Thế, Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn và 04 Trung tâm GDNN - GDTX các huyện: Việt Yên, Tân Yên, Lạng Giang, Yên Dũng.

³ Công ty Cổ phần Tổng Công ty May Bắc Giang, Công ty TNHH Ja Solar Việt Nam.

⁴ Các huyện: Hiệp Hòa, Yên Thế, Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động và thành phố Bắc Giang.

nghề, giải quyết việc làm, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới, cụ thể:

- Tham mưu cho Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 20-KH/TU ngày 09/6/2021 về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới; HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 61/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định một số chính sách hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025.

- UBND tỉnh đã ban hành 01 quyết định, 02 đề án, 03 kế hoạch; tổ chức xây dựng, lập Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, trong đó, đào tạo nghề và giải quyết việc làm là những nội dung được quan tâm, đề xuất.

- Việc xây dựng, lập Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030 và định hướng đến năm 2050, trong đó đề xuất đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các lĩnh vực của tỉnh có tiềm năng, thế mạnh như: công nghiệp, du lịch, dịch vụ,... để sử dụng hợp lý lực lượng lao động tại chỗ, điều hòa cung - cầu lao động và phát triển kinh tế - xã hội hài hòa giữa các địa phương trong tỉnh; lồng ghép xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi để huy động các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng, xây dựng các công trình phúc lợi xã hội tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đề định hướng, hỗ trợ tạo việc làm, thu hút lao động...

- Ban Chỉ đạo giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm của tỉnh được kiện toàn, sửa đổi ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, trong đó phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ đạo trong triển khai thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề, gắn với giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh. Hàng năm, Ban Chỉ đạo ban hành kế hoạch triển khai công tác giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm trên địa bàn, chỉ đạo cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tham mưu tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện của Ban Chỉ đạo trong năm tiếp theo.

- Hàng năm, tiến hành giao chỉ tiêu thực hiện kế hoạch đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, chỉ tiêu doanh nghiệp tham gia bảo hiểm xã hội cho các sở, ngành, địa phương.

2.2. Trong công tác đào tạo nghề

- Quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã đáp ứng một phần công tác đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng trên địa bàn tỉnh: Hiện tỉnh có 37 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trong đó: có 03 trường cao đẳng, 07 trường trung cấp, 15 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 12 cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Quy mô tuyển sinh được cấp phép là 35.690 người/năm; trong đó, trình độ cao đẳng là 1.710 người/năm, trình độ trung cấp là 6.305 người/năm và trình độ sơ cấp là 27.675 người/năm. Tổng số ngành, nghề được cấp phép đào tạo là 109 nghề; trong đó, trình độ cao đẳng có 24 nghề, trình độ trung cấp có 59 nghề và trình độ sơ cấp có 58 nghề.

- Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp thuộc các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh hiện nay là 185 người, trong đó: Trình độ trên đại học chiếm 53,8%, đại học và cao đẳng chiếm 43,3%, trung cấp chiếm 2,9%. Có 100%

đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp đảm bảo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý theo quy định. Đội ngũ nhà giáo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh hiện nay là 880 người; trong đó: Trên đại học chiếm 30%, đại học và cao đẳng chiếm 59,9%, trung cấp và công nhân kỹ thuật chiếm 10,1%. Có 100% nhà giáo tại các trường cao đẳng, trung cấp đạt chuẩn theo quy định. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay đều có đủ số lượng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo tỷ lệ người học quy đổi trên giáo viên quy đổi tối đa là 25 người học/giáo viên; đối với các nghề yêu cầu về năng khiếu, bảo đảm tỷ lệ người học quy đổi trên giáo viên quy đổi tối đa là 15 người học/giáo viên.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh hiện nay đều có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề tối thiểu đáp ứng đủ cho quy mô đào tạo được cấp giấy chứng nhận theo quy định. Một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được đầu tư tương đối đồng bộ với những thiết bị đào tạo hiện đại phục vụ đào tạo nghề theo chuẩn cấp độ quốc tế, khu vực Asean và quốc gia như: Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang; Trường Cao đẳng kỹ thuật công nghiệp. Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo đã được các cơ sở giáo dục nghề nghiệp quan tâm theo hướng đầu tư tập trung, trọng tâm, trọng điểm và hiện đại, cơ bản đã đáp ứng phù hợp với công nghệ sản xuất tại doanh nghiệp.

- Chương trình, giáo trình của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay đều đã được xây dựng theo đúng quy định; có đại diện cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp tham gia trực tiếp; phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp. Hằng năm, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã chủ động trong công tác xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo phù hợp với tiến bộ mới của khoa học - công nghệ; sự thay đổi của công nghệ sản xuất tại các doanh nghiệp; thực tiễn sản xuất kinh doanh và dịch vụ của thị trường lao động.

- Kết quả tuyển sinh, đào tạo nghề giai đoạn 2020 - 2021 ở các cấp trình độ là 60.174 người, đạt 105,6% kế hoạch, trong đó: Cao đẳng 3.312 người, đạt 207% kế hoạch; trung cấp 8.842 người, đạt 163,7% kế hoạch; sơ cấp và đào tạo thường xuyên 48.020 người, đạt 96% kế hoạch (trong đó có 3.270 người được hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn”).

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ giáo dục nghề nghiệp được cấp từ nguồn ngân sách nhà nước cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập để đào tạo nghề trình độ cao đẳng, trung cấp cho học sinh, sinh viên theo chỉ tiêu được giao; đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị đào tạo cho một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp có ngành nghề trọng điểm, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Ngoài ra, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã chủ động phối hợp với doanh nghiệp để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, thực hành, thực tập cho người học. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự thực, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp tự chủ trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp của cơ sở. Kinh phí thực hiện các hoạt động giáo dục nghề nghiệp đúng mục đích, mang lại hiệu quả cao, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục

ngành nghiệp cho người lao động trên địa bàn tỉnh. Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2020 - 2021 là 729.717,5 triệu đồng, trong đó: Ngân sách nhà nước: 193.108,7 triệu đồng; đóng góp của học sinh, sinh viên: 95.561,4 triệu đồng; xã hội hóa: 433.395,4 triệu đồng; nguồn khác: 7.652,0 triệu đồng.

2.3. Về giải quyết việc làm

- Giai đoạn 2020 - 2021, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thành phố tiến hành 02 cuộc điều tra cung lao động tại các hộ gia đình, 02 cuộc điều tra cầu lao động tại các doanh nghiệp; qua đó, nắm bắt thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các ngành, địa phương tuyên truyền rộng rãi về nhu cầu cần tuyển lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn; đồng thời, cung cấp thông tin về nguồn cung lao động cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp để xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh.

- Các hoạt động kết nối cung - cầu lao động được đẩy mạnh; cập nhật, tổng hợp thông tin thị trường lao động để chia sẻ, cung cấp kịp thời thông tin về thị trường lao động. Trên địa bàn tỉnh Bắc Giang hiện nay có 01 Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và 20 doanh nghiệp được cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm. Các đơn vị đã tích cực, chủ động trong việc tiếp nhận tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động của địa phương cũng như lao động ngoài tỉnh; chủ động phối hợp với các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển lao động trên địa bàn để thực hiện dịch vụ giới thiệu, cung ứng lao động, góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp đảm bảo nguồn lao động thường xuyên, liên tục khi có nhu cầu tuyển dụng. Định kỳ tổng hợp và thông báo khả năng tư vấn, giới thiệu việc làm hoặc cung ứng lao động của Trung tâm Dịch vụ việc làm, các doanh nghiệp dịch vụ việc làm cho các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển lao động để các doanh nghiệp chủ động trao đổi, ký hợp đồng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp trên địa bàn. Trong quá trình hoạt động, các doanh nghiệp chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, cung ứng lao động, thực hiện báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về lao động của địa phương theo quy định. Trong giai đoạn 2020 - 2021, tỉnh tổ chức 141 phiên giao dịch việc làm thu hút trên 600 đơn vị, doanh nghiệp trong, ngoài tỉnh; 09 doanh nghiệp xuất khẩu lao động tham gia; đã tư vấn, giới thiệu việc làm cho 33.600 lao động; có 3.200 lao động được giới thiệu việc làm trực tiếp cho các doanh nghiệp.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp tuyển lao động phục hồi sản xuất sau dịch Covid-19 bằng nhiều hình thức: tuyên truyền, vận động người lao động trên hệ thống truyền thanh cơ sở cho người lao động tham gia ứng tuyển; thông báo trên các nhóm zalo của người lao động Bắc Giang đang làm việc tại các tỉnh, thành phố biết để về tỉnh làm việc nếu có nhu cầu.

- Hoạt động xuất khẩu lao động tiếp tục được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách, quy định mới về xuất khẩu lao động; các chương trình tuyển chọn lao động do Bộ Lao động - Thương

binh và Xã hội triển khai và các đơn hàng của các doanh nghiệp hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Qua đó, giúp người lao động có nhu cầu đi xuất khẩu lao động nắm bắt thông tin một cách đầy đủ, nhanh chóng để chủ động tham gia các chương trình phù hợp với bản thân.

- Việc quản lý và sử dụng Quỹ quốc gia về việc làm: Doanh số cho vay từ năm 2020 đến ngày 31/12/2021 là 289,4 tỷ đồng, có 5.388 khách hàng được vay vốn, có 5.388 người lao động được hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, trong đó lao động nữ là 3.547 người, lao động là người khuyết tật 173 người, lao động là người dân tộc thiểu số 274 người. Dư nợ chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đến ngày 31/12/2021 là 334.246 triệu đồng, tăng 132.479 triệu đồng so với năm 2019, có 6.481 khách hàng còn dư nợ, bình quân 51,6 triệu đồng/lao động. Nguồn vốn đầu tư hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đã có tác động tích cực đến hộ nghèo và các đối tượng chính sách thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn, đặc biệt đối tượng vay là người dân tộc thiểu số, góp phần đáng kể vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt đối với lĩnh vực giảm nghèo, an sinh xã hội.

- Công tác quản lý, giám sát lao động nước ngoài được các cơ quan chuyên môn thực hiện thường xuyên; phối hợp tổ chức rà soát toàn bộ các cơ sở, doanh nghiệp đang sử dụng lao động là người nước ngoài và mọi trường hợp nhập cảnh, lao động nước ngoài đã đăng ký và làm việc tại các cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn; kiểm tra, chấn chỉnh việc cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài làm việc tại địa phương theo đúng quy định của pháp luật.

Với việc triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp trên, giai đoạn 2020 - 2021, toàn tỉnh tạo việc làm mới cho 67.500 lao động (đạt 107,9% kế hoạch giai đoạn này), trong đó: Việc làm trong nước 64.100 người (đạt 114% kế hoạch giai đoạn); xuất khẩu lao động là 3.400 người (đạt 55,1% kế hoạch giai đoạn); cơ bản giải quyết việc làm cho lực lượng lao động mới tham gia thị trường lao động và có nhu cầu tìm kiếm việc làm của địa phương, đạt và vượt các chỉ tiêu đã được giao.

(Số liệu về kết quả đào tạo nghề và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2020 - 2022 trong Phụ lục kèm theo báo cáo).

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

1.1. Trong công tác giáo dục nghề nghiệp

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương, ngành liên quan chưa quan tâm đầy đủ, chưa đặt vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp tương xứng với sự phát triển về kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Quy mô, năng lực tuyển sinh, đào tạo ở trình độ cao đẳng, trung cấp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu xã hội; việc định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh chưa đạt mục tiêu, yêu cầu; cơ cấu đào tạo theo nhóm ngành nghề chưa hợp lý, đa số nghề trọng điểm hiện nay đều thuộc khối ngành kỹ thuật, chưa có ngành, nghề được đầu tư trọng điểm ở nhóm nghề dịch vụ, chăm sóc sức khỏe, xã hội,...

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo chưa được đầu tư đồng bộ, nhiều trang thiết bị cũ, lạc hậu. Cơ cấu đội ngũ theo ngành nghề vẫn còn thiếu, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa đáp ứng yêu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập gắn với lộ trình tự chủ của đơn vị; việc thu hút, giữ chân giáo viên dạy nghề khó khăn vì khu vực doanh nghiệp trả lương cao hơn.

- Đối với các Trung tâm GDNN - GDTX:

+ Quy mô đào tạo còn nhỏ, nhóm ngành ít, chất lượng đầu vào thấp.

+ Đội ngũ giáo viên giảng dạy chương trình giáo dục nghề nghiệp còn thiếu. Mức độ tuyển sinh so với quy mô của đơn vị, đối với ngành nghề được cấp phép còn hạn chế.

+ Nhu cầu học nghề của người học thường xuyên thay đổi theo thị trường lao động hàng năm; tâm lý sẵn sàng bỏ học nếu có doanh nghiệp tuyển dụng lao động phổ thông có mức thu nhập cao.

+ Việc đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn thời gian đào tạo ngắn, chủ yếu là các lớp đào tạo nghề dưới 3 tháng nên người lao động chưa hoàn thiện được các kỹ năng cơ bản. Liên kết đào tạo chủ yếu là cho thuê địa điểm đặt lớp đào tạo, giáo viên của Trung tâm GDNN - GDTX chỉ thực hiện nhiệm vụ quản lý (trông lớp), không được thực hiện nhiệm vụ giảng dạy. Các mã ngành nghề chưa đáp ứng kịp theo nhu cầu thị trường và nhu cầu người học. Việc gắn kết đào tạo giữa các trung tâm với doanh nghiệp không thực hiện được. Kinh phí hằng năm chỉ cho việc đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác dạy nghề chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Trên địa bàn tỉnh chưa có trường nghề đạt chuẩn chất lượng cao; chưa có tổ chức, trung tâm được cấp phép đánh giá kỹ năng nghề quốc gia nên khó khăn cho người lao động trong doanh nghiệp khi có nhu cầu tham gia đánh giá kỹ năng nghề để được công nhận, nâng hạng bậc nghề.

- Một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa chủ động trong gắn kết giữa giáo dục nghề nghiệp với giáo dục thường xuyên; việc gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp còn nhiều hạn chế, về cơ bản mới chỉ dừng lại ở việc đưa sinh viên đến thực tập tại doanh nghiệp.

- Một số doanh nghiệp chủ yếu tuyển dụng, sử dụng lao động phổ thông, chưa qua đào tạo nghề nên không khuyến khích được người lao động tham gia đào tạo chuyên môn kỹ thuật.

- Việc huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

1.2. Về giải quyết việc làm

- Hệ thống thông tin thị trường lao động chưa được trang bị hoàn thiện, cập nhật chưa đồng bộ, chưa có sự kết nối thông tin đầy đủ với hệ thống quốc gia và các địa phương bạn; chưa đáp ứng yêu cầu của hoạt động phân tích, dự báo thị trường lao động làm ảnh hưởng đến việc hoạch định chính sách phát triển thị trường lao động nói chung, chính sách phát triển nguồn nhân lực và giải quyết việc làm nói riêng.

- Chính sách vay vốn hỗ trợ tạo việc làm nguồn vốn chưa đáp ứng được nhu cầu, mức cho vay bình quân còn thấp, hiệu quả còn hạn chế.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Do tình hình dịch bệnh Covid-19 có diễn biến phức tạp trong cả nước nói chung, tỉnh Bắc Giang nói riêng đã làm ảnh hưởng đến công tác tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Có thời điểm, toàn bộ viên chức, giáo viên của cơ sở giáo dục nghề nghiệp cùng với trên 50% học sinh tham gia công tác phòng, chống dịch nên không đủ nhân lực để thực hiện công tác tuyển sinh, đào tạo. Nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp được trung tập làm địa điểm cách ly, thu dung, điều trị bệnh nhân mắc Covid-19 nên học sinh, sinh viên phải nghỉ học trực tiếp trong thời gian dài. Việc liên kết hoạt động đào tạo lao động, tổ chức thực tập cho học sinh, sinh viên của các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp có thời điểm bị hạn chế hoặc dừng hẳn do cách ly xã hội.

- Nguồn kinh phí bố trí cho Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng lao động như tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức các hội nghị phổ biến thông tin thị trường lao động để định hướng nhu cầu tuyển lao động cho các doanh nghiệp, tổ chức các phiên giao dịch việc làm hỗ trợ doanh nghiệp tuyển lao động tại các huyện và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế.

- Thủ tục cấp phép ngành nghề đào tạo còn phức tạp, qua nhiều công đoạn, mất nhiều thời gian.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Việc bố trí cán bộ chuyên trách về công tác dạy nghề, giải quyết việc làm ở cấp huyện còn chưa phù hợp, phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ dẫn đến công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực dạy nghề, giải quyết việc làm ở một số địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Chất lượng nguồn lao động của địa phương chưa cao, chưa đáp ứng được ở những công việc đòi hỏi trình độ quản lý, chuyên môn kỹ thuật cao của các doanh nghiệp.

- Công tác thu thập, dự báo, phân tích thông tin, kết nối cung - cầu thị trường lao động nhiều lúc còn chưa kịp thời, chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao theo xu thế của thị trường lao động thường xuyên biến động.

III. KIẾN NGHỊ

1. Với UBND tỉnh

- Tiếp tục tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách về đào tạo nghề và giải quyết việc làm phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời kỳ mới. Tăng cường chỉ đạo sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành đối với công tác đào tạo nghề, phát triển nhân lực có kỹ năng nghề.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách, hướng nghiệp liên quan đến công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm. Nâng cao nhận thức của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân trong việc nâng cao chất

lượng nguồn nhân lực kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội và đồng hành của doanh nghiệp.

- Chỉ đạo các cấp, các ngành, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm. Gắn trách nhiệm đối với các địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các doanh nghiệp trong việc thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp trong đào tạo nghề và giải quyết việc làm. Tăng cường gắn kết giữa nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp trong đào tạo nghề, gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động, phát triển nhân lực có kỹ năng nghề và tuyển dụng lao động sau đào tạo, giải quyết việc làm cho người học.

- Quan tâm bố trí kinh phí, huy động các nguồn xã hội hóa đầu tư cải thiện cơ sở vật chất, chuẩn hóa các điều kiện đề nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trọng tâm là hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số và đổi mới phương thức đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý; bổ sung, điều chỉnh nghề đào tạo phù hợp với yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp; chú trọng nâng cao chất lượng đầu ra ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đẩy mạnh triển khai tự chủ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế trong đào tạo chất lượng cao.

- Làm tốt công tác dự báo, điều tra, phân tích, định hướng, xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp; kết nối cơ sở dữ liệu hướng nghiệp, phân luồng học sinh tốt nghiệp THPT, THPT, thông tin thị trường lao động.

- Chỉ đạo các sở, cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các Trung tâm GDNN - GDTX, có giải pháp khắc phục những hạn chế, bất cập ở các trung tâm hiện nay.

- Phân bổ ngân sách của tỉnh hàng năm để đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Quan tâm đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 tháng cho lao động nông thôn và các đối tượng chính sách khác.

- Chỉ đạo xây dựng hệ thống dữ liệu cung - cầu lao động bám sát di, biến động của thị trường lao động, chuyển dịch lao động. Đưa ra các dự báo về thị trường lao động kịp thời chính xác phục vụ các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp. Duy trì tổ chức các phiên giao dịch việc làm ở tỉnh và lưu động tại các địa phương trong tỉnh, góp phần phát triển đa dạng các giao dịch thị trường lao động, tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người lao động, làm cầu nối giữa người lao động và người sử dụng lao động.

- Tập trung thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, khuyến khích khởi nghiệp, thu hút đầu tư thành lập doanh nghiệp, nhằm tạo thêm nhiều việc làm mới. Thực hiện tốt chính sách tín dụng ưu đãi để hỗ trợ tạo việc làm; duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm. Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao trình độ tay nghề của người lao động.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đào tạo nghề và giải quyết việc làm để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý kịp thời những vi phạm.

- Thực hiện công tác sơ kết, tổng kết các đề án, chương trình, kế hoạch về công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm kịp thời theo quy định.

2. Với Trung ương

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sớm ban hành danh mục nghề bắt buộc phải qua đào tạo đối với doanh nghiệp tuyển dụng lao động. Hướng dẫn công tác thu thập thông tin và phân tích dự báo thông tin thị trường lao động phù hợp với giai đoạn hiện nay. Hằng năm, bổ sung nguồn kinh phí từ Quỹ quốc gia về việc làm đáp ứng nhu cầu vay vốn giải quyết việc làm cho người lao động của tỉnh.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2020 - 2022.

Đoàn giám sát trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thành viên ĐGS, Tổ giúp việc;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Báo Bắc Giang, Đài PT&TH tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN**

**PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Nghiem Xuân Hưởng**

Phụ lục

**BẢNG SỐ LIỆU KẾT QUẢ ĐÀO TẠO NGHỀ
VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG, GIAI ĐOẠN 2020 - 2022**

(Kèm theo báo cáo số /BC-DGS ngày tháng năm 2022 của Đoàn giám sát)

STT	Lĩnh vực	Đơn vị tính	Năm 2020		Năm 2021		Giai đoạn 2020 - 2022	
			Số thực hiện	Tỷ lệ đạt được so với kế hoạch	Số thực hiện	Tỷ lệ đạt được so với kế hoạch	Số thực hiện	Tỷ lệ đạt được so với kế hoạch
I. Lĩnh vực đào tạo nghề								
1	Tổng số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp	Cơ sở	41	93,2	38	92,7	38	92,7
	Trong đó: Số cơ sở GDNN, cơ sở HĐGDNN mới thành lập	Cơ sở			-			
2	Tuyển mới dạy nghề	Người	31.355	110,0	28.819	101,1	60.174	105,6
2.1	Cao đẳng	Người	1.663	207,9	1.649	206,1	3.312	207,0
	Các cơ sở GDNN, cơ sở HĐGDNN do TW quản lý	Người	1.079	269,8	880	220,0	1.959	244,9
2.2	Trung cấp	Người	4.290	158,9	4.552	168,6	8.842	163,7
	Các cơ sở GDNN, cơ sở HĐGDNN do TW quản lý	Người	1.768	186,1	1.520	160,0	3.288	173,1

2.3	Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	Người	25.402	101,6	22.618	90,5	48.020	96,0
	Các cơ sở GDNN, cơ sở HĐGDNN do TW quản lý	Người	950	25,0	1.125	29,6	2.075	27,3
	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn và thanh niên dân tộc thiểu số	Người	17.250	345,0	7.200	144,0	24.450	244,5
	Dạy nghề cho người khuyết tật	Người	198	99,0	160	80,0	358	89,5
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	70,0	100,0	72,0	100,0	72,0	100,0
	Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	46,6	100,2	21,0	100,0	21,0	100,0
4	Nguồn kinh phí thực hiện	Triệu đồng	394.183,9	97,2	335.533,6	99,8	729.717,5	98,4
4.1	Ngân sách nhà nước	Triệu đồng	100.997,7	100,0	92.111,0	100,0	193.108,7	100,0
4.1.1	Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị đào tạo nghề		27.000,0	100,0	24.775,0	100,0	51.775,0	100,0
4.1.2	Hỗ trợ đào tạo nghề cho HS, SV		73.349,7	100,0	66.908,1	100,0	140.257,8	100,0
	<i>Trong đó:</i>							
	Cao đẳng		16.950,0	100,0	17.345,5	100,0	34.295,5	100,0
	Trung cấp		46.527,7	100,0	49.562,6	100,0	96.090,3	100,0
	Sơ cấp và đào tạo thường xuyên (Đào tạo nghề cho lao động nông thôn thuộc CTMTQG XDNTM năm 2020)		9.872,0	100,0			9.872,0	100,0
4.1.3	Tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm							

			189,8	100,0	90,0	100,0	279,8	100,0
4.1.4	Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng cho giáo viên, người dạy nghề; cán bộ quản lý đào tạo nghề cộng tác viên tư vấn học nghề, việc làm		325,0	100,0	141,0	87,0	466,0	95,7
4.1.5	Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện dự án		92,2	100,0			92,2	100,0
4.1.6	Triển khai Đề án hỗ trợ HSSV khởi nghiệp (NS tỉnh)		41,0	100,0	35,5	87,7	76,5	94,0
4.1.7	Hội giảng nhà giáo GDNN cấp quốc gia (NS tỉnh)				161,4	99,6	161,4	99,6
4.2	Nguồn đóng góp của học sinh, sinh viên	Triệu đồng	50.610,1	81,7	44.951,3	98,7	95.561,4	88,9
4.3	Nguồn xã hội hóa	Triệu đồng	240.711,9	100,0	192.683,5	100,0	433.395,4	100,0
4.4	Nguồn khác	Triệu đồng	1.864,2	100,0	5.787,8	100,0	7.652,0	100,0
II. Lĩnh vực lao động việc làm								
1	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	32.500	104,8	35.000	111,1	67.500	107,9
1.1	Việc làm trong nước	Người	30.700	112,5	33.400	115,6	64.100	114,0
	Công nghiệp và xây dựng	Người	19.550	107,6	22.500	123,9	42.050	115,7
	Nông, lâm, thủy sản	Người	950	131,9	850	118,1	1.800	125,0
	Dịch vụ	Người	10.200	121,1	10.050	100,3	20.250	110,7

1.2	Số người đi xuất khẩu lao động	Người	1.800	48,6	1.600	61,5	3.400	55,1
2	Số dự án được vay vốn từ Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm	Dự án	2.078	173,7	3.310	254,6	5.388	214,2
2.1	Số vốn vay	Triệu.đ	104.230	160,4	185.196	264,6	289.426	212,5
2.2	Số lao động được tạo việc làm	Người	2.078	129,9	3.310	194,7	5.388	162,3
3	Số phiên giao dịch của sản giao dịch việc làm	Phiên	65	116,9	76	100,0	141	108,5
4	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	3,1	100,0	3,0	100,0	3	100,0
5	Số lao động là người nước ngoài được cấp giấy phép lao động	Người	1.217	60,8	3.788	189,4	5.005	125,1
6	Số người được trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp	Người	14.450		12.925		27.375	
7	Nguồn kinh phí thực hiện		2648,3	100,0	716	100,0	3.364,3	100,0
	Ngân sách nhà nước	Triệu đồng	2386,3	100,0	674	100,0	3.060,3	100,0
	Nguồn xã hội hóa	Triệu đồng						
	Nguồn khác	Triệu đồng	262	100,0	42	100,0	304	100,0